

Số: 24/CBTT-UXC.25

Can Tho, ngày 14 tháng 08 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) 6 tháng đầu năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:



1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi

- Mã chứng khoán: UXC
- Địa chỉ: Số 24, Đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, thành phố Cần Thơ
- Điện thoại liên hệ/Tel: (02993) 852671 – 852959
- Fax: (02993) 852670 – 852958
- Email: quyenlb@utxi.com.vn Website: <https://www.utxi.com.vn>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC 6 tháng đầu năm 2025

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm):

☐ Có☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☒ Có☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 14/08/2025 tại đường dẫn: <http://utxi.com.vn/vi/news/co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC 6 tháng đầu năm 2025

- Văn bản giải trình

số 11-GT/CVUX25

(V/v giải trình LNST 6 tháng đầu năm 2025 bị lỗ và chênh lệch hơn 10% so LNST 6 tháng đầu năm 2024)

**Đại diện tổ chức
Người được ủy quyền công bố thông tin**



CHIÊM HẢI HOA

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

-----o0o-----
Số: 11 -GT/UX.25
(V/v giải trình LNST 06 đầu năm 2025 bị lỗ
và chênh lệch hơn 10% so cùng kỳ năm trước)

Tài Văn, ngày 14 tháng 08 năm 2025

Kính gửi: - SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi (UTXICO)
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 24, Đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, TP. Cần Thơ
- Điện thoại: (0299) 3852955
- Mã chứng khoán: UXC

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi xin giải trình lợi nhuận sau thuế 06 tháng đầu năm 2025 bị lỗ và chênh lệch trên 10% so với cùng kỳ năm trước:



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

ĐVT: triệu đồng

CHỈ TIÊU	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024	Chênh lệch	
			Số tiền	Tỷ lệ
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	188.339	239.502	(51.163)	(21,36%)
Giá vốn hàng bán	158.868	188.209		
Lợi nhuận gộp	29.470	51.293	(21.823)	(42,55%)
Doanh thu hoạt động tài chính	1.007	1.106		
Chi phí tài chính	24.266	31.802		
Chi phí bán hàng	10.264	13.096		
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.716	43.748	(40.032)	(91,50%)
Lợi nhuận thuần về HĐKD	(7.769)	(36.248)		
Lợi nhuận khác	230	37.633		
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(7.539)	1.385		

Theo báo cáo tài chính đã được soát xét 06 tháng đầu năm 2025 của Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi, lợi nhuận sau thuế bị lỗ 7.539 triệu đồng, nguyên nhân là do:

Do chi phí sản xuất đầu vào tăng cao. Đặc biệt là giá thức ăn tôm, chi phí vận chuyển quốc tế duy trì ở mức cao trong thời gian qua, điều này đẩy giá thành sản phẩm lên mức cao hơn so với các doanh nghiệp cạnh tranh trong khu vực. Từ đó làm cho lợi nhuận biên của công ty bị thu hẹp, làm giảm sức cạnh tranh về giá trên thị trường xuất khẩu, nhất là trong tình hình nhu cầu tiêu thụ toàn cầu đang có xu hướng chững lại.

Bên cạnh áp lực từ chi phí đầu vào, Công ty Út Xi còn đối mặt với những rào cản thương mại ngày càng gia tăng từ các thị trường xuất khẩu chủ lực như Mỹ và Châu Âu. Đặc biệt là thuế chống bán phá giá và thuế đối ứng áp dụng với tôm Việt Nam xuất khẩu sang Mỹ đã được điều chỉnh trong thời gian gần đây. Điều này khiến giá bán tôm Việt Nam tại thị trường Mỹ kém cạnh tranh hơn. Hệ quả là lượng đơn hàng từ Mỹ sụt giảm mạnh, kéo theo sản lượng xuất khẩu giảm đáng kể.

Tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty Út Xi trong 06 tháng đầu năm 2025 gặp nhiều khó khăn thách thức, đặc biệt là thuế. Công ty Út Xi đã cố gắng xuất bán duy trì doanh thu và khách hàng. Theo đó lợi nhuận gộp giảm 42,55% không đủ để bù đắp các chi phí tài chính, bán hàng và quản lý doanh nghiệp dẫn đến kết quả kinh doanh bị lỗ. Mặt khác, do trong kỳ không có trích các khoản dự phòng phải thu khó đòi nên chi phí quản lý doanh nghiệp giảm hơn 40 tỷ so với cùng kỳ năm trước. Điều này làm cho kết quả hoạt động kinh doanh của công ty có chênh lệch hơn 10% so với cùng kỳ năm 2024.

Trên đây là nội dung giải trình của Công ty Cổ Phần Chế Biến Thủy Sản Út Xi về kết quả hoạt động kinh doanh 06 tháng đầu năm 2025 bị lỗ và chênh lệch 10% so với cùng kỳ năm 2024. Kính trình Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội xem xét.

Trân trọng kính chào!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu KTTV

TỔNG GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



[Signature]

Lý Bích Duyên



Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho 06 tháng đầu năm 2025, kết thúc tại ngày 30/06/2025

AASCS

Được soát xét bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, TP. Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	03 - 05
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	06 - 07
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
- Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	08 - 11
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	12 - 12
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	13 - 14
- Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	15 - 45



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho 06 tháng đầu năm 2025, kết thúc tại ngày 30/06/2025.

I. Công Ty

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200203836 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 15/06/2006 và thay đổi lần thứ 18 ngày 03/10/2022.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : 354.000.000.000 VND

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2025 : 354.000.000.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại Số 24 Đường tỉnh 934, Ấp Hà Bô, Xã Tài Văn, TP. Cần Thơ.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Chế biến và xuất khẩu thủy sản.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Xây dựng nhà các loại;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Sản xuất giống thủy sản;
- Buôn bán thủy sản;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Buôn bán rau, quả;
- Buôn bán thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.

4. Mô hình hoạt động

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên	Địa chỉ
- Xí nghiệp Chế biến Thủy sản Hoàng Phương	Số 24, Đường tỉnh lộ 934, Ấp Hà Bô, Xã Tài Văn, TP. Cần Thơ
- Xí nghiệp Chế biến Thủy sản Hoàng Phong	Số 24, Đường tỉnh lộ 934, Ấp Hà Bô, Xã Tài Văn, TP. Cần Thơ
- Xí nghiệp Kho vận Hoàng Nhã	Số 24, Đường tỉnh lộ 934, Ấp Hà Bô, Xã Tài Văn, TP. Cần Thơ

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 30/06/2025 được thể hiện trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

III. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30/06/2025 cho đến thời điểm lập báo cáo giữa niên độ này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

IV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Hội đồng Quản trị

Ông	Nguyễn Triệu Đồng	Chủ tịch	
Bà	Lý Bích Quyên	Thành viên	
Ông	Nguyễn Hoàng Phương	Thành viên	
Ông	Nguyễn Hoàng Nhã	Thành viên	
Bà	Võ Thị Huyền Trinh	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 28/04/2025
Ông	Trương Trúc Linh	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 28/04/2025

Ban Tổng Giám đốc

Bà	Lý Bích Quyên	Tổng Giám đốc
Ông	Nguyễn Hoàng Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Trương Văn Phước	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Nguyễn Hoàng Nhã	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông	Nguyễn Thái Nguyên	Trưởng ban	Bổ nhiệm từ ngày 28/04/2025
Ông	Đào Trường Hận	Trưởng ban	Miễn nhiệm từ ngày 28/04/2025
Bà	Nguyễn Thị Kim Ngân	Thành viên	
Ông	Trần Nhất Luân	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 28/04/2025
Bà	Tăng Thị Mỹ Thúy	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 28/04/2025

Đại diện pháp luật

Bà	Lý Bích Quyên
----	---------------

Kế toán trưởng

Ông	Đỗ Thành Nhơn
-----	---------------

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

V. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính giữa năm cho Công ty.

VI. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho 06 tháng đầu năm 2025, kết thúc tại ngày 30/06/2025. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ này.
- Lập các báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

IV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho 06 tháng đầu năm 2025, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

VII. CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

VIII. PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ cho 06 tháng đầu năm 2025, kết thúc tại ngày 30/06/2025.

Duyệt, ngày 04 tháng 08 năm 2025

TM. Hội đồng Quản trị

Chủ tịch hội đồng quản trị



Nguyễn Triệu Đồng

Tp. Cần Thơ, ngày 04 tháng 08 năm 2025

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Lý Bích Quyên

50117
CÔNG
TNH
CHÍNH
VÀ KIỂM
PHIA
I - T.P

Số : 691 /BCSX/TC/2025/AASCS

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc
của CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ cho 06 tháng đầu năm 2025, kết thúc tại ngày 30/06/2025 kèm theo của Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi, được lập ngày /08/2025, từ trang 08 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi tại ngày 30/06/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2025 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày ở mục số VIII.8 - Tại ngày 30/06/2025, chỉ tiêu "Vốn chủ sở hữu" (mã số: 410) bị âm (96.220.672.406) VND và nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 182.298.919.213 VND. Chỉ số này phản ánh khả năng thanh toán Công ty đang ở mức thấp và có thể ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định luôn nhận được sự cam kết của các chủ sở hữu Công ty và các chủ nợ về việc sẽ duy trì tài chính để công ty không bị ảnh hưởng khả năng hoạt động liên tục trong tương lai, vì vậy Báo cáo này được lập giả định trên cơ sở hoạt động liên tục. Kết luận của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

TP. HCM, ngày 12 tháng 8 năm 2025

Công Ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam

Phó Tổng Giám đốc



Đỗ Khắc Thanh

Số giấy CNDKHN kiểm toán: 0064-2023-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

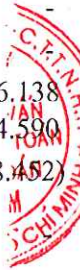
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		716.927.789.999	769.889.656.199
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	442.691.660	61.555.544
1. Tiền	111		442.691.660	61.555.544
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		144.502.327.627	155.921.678.088
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	184.567.357.732	189.011.135.569
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	101.071.125.516	98.007.832.343
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	20.160.302.545	30.199.168.342
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(161.296.458.166)	(161.296.458.166)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	570.037.096.648	611.822.789.340
1. Hàng tồn kho	141		570.037.096.648	611.822.789.340
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.945.674.064	2.083.633.227
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	48.931.249	233.167.708
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.896.742.815	1.650.510.922
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	-	199.954.597
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		94.747.246.807	98.576.871.585
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

3050117
CÔNG
TNH
DỊCH VỤ
CHÍNH
VÀ KIỂM
SỐ PHIA
343 T.F

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	220		80.424.922.815	84.251.347.593
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	53.394.326.677	57.220.751.455
- Nguyên giá	222		350.588.661.529	351.027.954.689
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(297.194.334.852)	(293.807.203.234)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	27.030.596.138	27.030.596.138
- Nguyên giá	228		27.282.954.590	27.282.954.590
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(252.358.452)	(252.358.452)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		14.322.323.992	14.322.323.992
1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.7	14.322.323.992	14.322.323.992
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	3.200.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	-	3.200.000
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		811.675.036.806	868.466.527.784



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		907.895.709.212	957.147.983.089
I. Nợ ngắn hạn	310		899.226.709.212	947.663.983.089
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	64.699.410.364	84.341.620.832
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		50.000.000	354.846.846
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	2.934.501.587	2.934.939.237
4. Phải trả người lao động	314		1.104.092.000	2.514.413.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	280.461.027.671	260.044.050.841
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	188.092.884.287	234.192.158.484
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	359.400.139.176	360.797.299.722
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.484.654.127	2.484.654.127
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		8.669.000.000	9.484.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	8.669.000.000	9.484.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	343		-	-



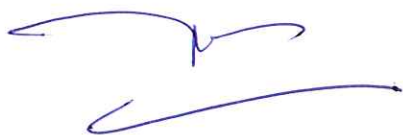
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(96.220.672.406)	(88.681.455.305)
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	(96.220.672.406)	(88.681.455.305)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		354.000.000.000	354.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		354.000.000.000	354.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		484.047.273	484.047.273
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(320.000)	(320.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.023.610.850	8.023.610.850
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(458.728.010.529)	(451.188.793.428)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(451.188.793.428)	(413.389.670.608)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(7.539.217.101)	(37.799.122.820)
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		811.675.036.806	868.466.527.784

Người lập biểu



Lưu Thị Ngọc Tuyền

Kế toán trưởng



Đỗ Thanh Nhơn

Lập ngày 04 tháng 08 năm 2025

Tổng Giám đốc



Lý Bích Quyên

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho 06 tháng đầu năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	192.791.373.528	239.502.699.346
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	4.452.064.344	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		188.339.309.184	239.502.699.346
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	158.868.849.191	188.209.528.430
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		29.470.459.993	51.293.170.916
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	1.007.010.217	1.106.104.398
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	24.266.300.455	31.802.422.989
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		16.384.984.198	19.127.897.864
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8	10.264.605.080	13.096.246.959
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	3.715.950.621	43.748.955.866
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		(7.769.385.946)	(36.248.350.500)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	257.042.680	37.643.227.585
12. Chi phí khác	32	VI.7	26.873.835	9.488.174
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		230.168.845	37.633.739.411
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(7.539.217.101)	1.385.388.911
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		(7.539.217.101)	1.385.388.911
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	(213)	39
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	(213)	39

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập ngày 04 tháng 08 năm 2025

Tổng Giám đốc

Lưu Thị Ngọc Tuyền

Đỗ Thành Nhơn

Lý Bích Quyên

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho 06 tháng đầu năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		96.941.126.387	164.942.258.389
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(34.162.404.326)	(135.358.396.976)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(17.458.602.000)	(13.688.534.000)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(450.395.015)	(1.677.180.000)
5. Thuế TNDN đã nộp	05		-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		63.896.283.681	61.490.073.619
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(102.508.451.863)	(72.613.056.382)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		6.257.556.864	3.095.164.650
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(806.338.518)	(352.201.600)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		151.200.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		107.433	132.020
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(655.031.085)	(352.069.580)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(5.209.145.000)	(2.755.050.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(544.350)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.209.145.000)	(2.755.594.350)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho 06 tháng đầu năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		393.380.779	(12.499.280)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	61.555.544	98.885.621
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(12.244.663)	1.467.643
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		442.691.660	87.853.984

Lập, ngày 04 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lưu Thị Ngọc Tuyền



Đỗ Thành Nhơn



Lý Bích Quyên

50112
CÔNG
TNH
CH VU
CHÍNH
À KIỂM
PHIA
T. TP

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200203836 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 15/06/2006 và thay đổi lần thứ 18 ngày 03/10/2022.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : 354.000.000.000 VND

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2025 : 354.000.000.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại Số 24 Đường tỉnh 934, Ấp Hà Bô, Xã Tài Văn, TP. Cần Thơ.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Chế biến và xuất khẩu thủy sản.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Xây dựng nhà các loại;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Sản xuất giống thủy sản;
- Buôn bán thủy sản;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Buôn bán rau, quả;

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ: không có

6. Mô hình hoạt động

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên	Địa chỉ
- Xí nghiệp Chế biến Thủy sản Hoàng Phương	Số 24, Đường tỉnh 934, Ấp Hà Bô, Xã Tài Văn, Huyện Trần Đề, Tỉnh Sóc Trăng
- Xí nghiệp Chế biến Thủy sản Hoàng Phong	Số 24, Đường tỉnh 934, Ấp Hà Bô, Xã Tài Văn, Huyện Trần Đề, Tỉnh Sóc Trăng
- Xí nghiệp Kho vận Hoàng Nhã	Số 24, Đường tỉnh 934, Ấp Hà Bô, Xã Tài Văn, Huyện Trần Đề, Tỉnh Sóc Trăng

7. Số lượng nhân viên

Số lượng nhân viên tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 151 người.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2025

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam. Khoản thấu chi ngân hàng được phản ánh tương tự như khoản vay ngân hàng.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

a. Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;

- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi ...

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2025

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động cho từng loại chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

c. Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

d. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

30501
CỘNG
HỢP
KINH
DOANH
CẦN
THƠ
CHÍNH
SÁCH
VÀ
KIỂM
SỐ
PHÁP
LÝ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2025

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường (trên 12 tháng);
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo một trong các phương pháp: bình quân gia quyền

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2025

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ theo quy định của pháp luật, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ, trừ bất động sản đầu tư chờ tăng giá không trích khấu hao mà chỉ xác định tổn thất do giảm giá trị.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05-30	năm
- Máy móc, thiết bị	05-30	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05-10	năm
- Thiết bị văn phòng	05-10	năm
- Tài sản vô hình và các tài sản khác	05-25	năm

6. Nguyên tắc ghi nhận thuế TNDN hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2025

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này. Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuê tài chính khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

50117:
CÔNG
TNH
CHÍNH K
VÀ KIỂM
CẤP N
T.P.H

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2025

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu phát hành cổ phiếu phát sinh khi công ty phát hành loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu xác định được quy định sẵn trong phương án phát hành. Giá trị cầu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi là chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cầu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận riêng biệt trong phần vốn đầu tư của chủ sở hữu. Khi đáo hạn trái phiếu, kế toán quyền chọn này sang thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2025

c. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

d. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

e. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

14. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ;
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

15. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2025

16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

17. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

18. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

20. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Công cụ tài chính

a. Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;
- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

0112
ÔNG
TNH
VUT
INH
KIEM
PHIA
T.P

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2025

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

b. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;

- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH): Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính: Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2025

V . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt	398.777.261	15.116.699
+ Tiền mặt (VND)	398.777.261	15.116.699
- Tiền gửi ngân hàng	43.914.399	46.438.845
+ Tiền gửi (VND)	15.840.575	17.191.858
+ Tiền gửi ngoại tệ	28.073.824	29.246.987
Cộng	442.691.660	61.555.544

2 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

2.1 Ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
+ Beaver Street Fisheries, Inc	11.382.164.091	16.547.295.937
+ T&T International Seafood, Inc	37.757.818.297	37.757.818.297
+ Fang Cheng Gang Hong Tong Tong Trading Co.,Ltd	6.011.455.378	6.011.455.378
+ Dongxing City Tao Tian Trade Co.,Ltd	31.872.036.040	31.872.036.040
+ Fangchenggang City Fangcheng District Xun Chuang Import & Export Trade Co.,Ltd	12.335.273.440	12.335.273.440
+ Guang Xi Fang Chengabg Hua Long Import And Export Trade Co.,Ltd	12.207.413.966	12.207.413.966
+ Guang Xi Fang Cheng Gang Shi Fang Cheng Qu Bao Heng Mao Yi You Xian Gong Si	12.145.095.831	12.145.095.831
+ Fang Cheng Gang Shi Li Shun Mao Yi You Xian Gong Si	10.575.171.240	10.575.171.240
+ Fang Cheng Gang Fang Cheng District Lihuo Border Trade Management Co.,Ltd	10.935.585.574	10.935.585.574
+ Zhanjiang Newpro Foods Co., Ltd	10.671.290.182	10.671.290.182
+ Các đối tượng khác	28.674.053.693	27.952.699.684
Cộng	184.567.357.732	189.011.135.569

2.2 Thuyết minh về giao dịch với các bên liên quan của khoản phải thu khách hàng được trình bày ở TM

VIII - Những thông tin khác

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2025

Đơn vị tính: VND

3 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
+ Võ Thị Huyền Trinh	950.000.000	950.000.000
+ Công ty TNHH Hải Sản Minh Tiến	9.428.856.901	6.403.868.901
+ Ngô Thị Điệp	5.251.632.504	5.251.632.504
+ Nguyễn Văn Khá	1.964.205.066	1.964.205.066
+ Tiêu Lê Trọng Tín	4.608.537.416	4.608.537.416
+ Dương Quốc Đạt	5.971.800.000	5.971.800.000
+ Công ty TNHH MTV Vy Khang	29.558.850.359	29.558.850.359
+ Lâm Văn Bảo	5.000.000.000	5.000.000.000
+ Lê Văn Hậu	3.580.154.000	3.580.154.000
+ Lê Văn Lập	5.000.000.000	5.000.000.000
+ Nguyễn Thị Bảo Trang	4.650.000.000	4.650.000.000
+ Nguyễn Công Trãi	3.328.884.800	3.328.884.800
+ Nguyễn Trọng Thể	4.400.000.000	4.400.000.000
+ Lê Hoàng Nửa	3.853.702.430	3.853.702.430
+ Đối tượng khác	13.524.502.040	13.486.196.867
Cộng	101.071.125.516	98.007.832.343

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

4.1. Ngắn hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Tạm ứng	421.468.000	-	422.468.000	-
+ Phạm Thanh Huy	392.911.000	-	392.911.000	-
+ Nguyễn Văn Luận	7.000.000	-	7.000.000	-
+ Các đối tượng khác	21.557.000	-	22.557.000	-
- Phải thu khác	19.738.834.545	-	29.776.700.342	-
+ Đoàn Thị Hồng Phiên	3.421.555.000	-	2.087.688.700	-
+ Nguyễn Thị Thanh Thủy	-	-	15.617.732.097	-
+ Lê Thị Mỹ Nhung	1.200.000.000	-	1.200.000.000	-
+ Vương Hoài Phúc	12.032.375.697	-	10.849.375.697	-
+ Các đối tượng khác	3.084.903.848	-	21.903.848	-
Cộng	20.160.302.545	-	30.199.168.342	-

4.2 Thuyết minh về giao dịch với các bên liên quan của khoản phải thu khác được trình bày ở TM VIII - Những thông tin khác

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2025

Đơn vị tính:
VND

5 . NỢ XẤU

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị các khoản phải thu khách hàng, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	161,296,458,166	-	161,296,458,166	-
<u>Chi tiết:</u>				
+ Dongxing City Tao Tian Trade Co., Ltd	31,872,036,040	-	31,872,036,040	-
+ T&T International Seafood	37,757,818,297	-	37,757,818,297	-
+ Đối tượng khác	91,666,603,829	-	91,666,603,829	-
Cộng	161,296,458,166	-	161,296,458,166	-

Ghi chú:

Tính đến ngày 31/12/2024 các khoản nợ xấu trên đã được trích lập dự phòng đủ 100%.

6 . HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	2,009,350,735	-	2,338,313,225	-
- Công cụ, dụng cụ	5,682,348,021	-	6,186,868,111	-
- Chi phí SXKD dở dang	-	-	1,166,097,600	-
- Thành phẩm	562,345,397,892	-	602,131,510,404	-
Cộng	570,037,096,648	-	611,822,789,340	-

7 . TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

Xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Xây dựng cơ bản	14,322,323,992	14,322,323,992
+ Văn phòng công ty	14,322,323,992	14,322,323,992
Cộng	14,322,323,992	14,322,323,992

8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
8.1. Ngắn hạn		
- Chi phí bảo hiểm xe, nhà xưởng, hàng hóa	26,152,083	65,380,211
- Chi phí dịch vụ chống phá giá	22,779,166	159,454,165
- Chi phí khác	-	8,333,332
Cộng	48,931,249	233,167,708
8.2. Dài hạn		
- Chi phí trả trước dài hạn khác (sửa chữa)	-	3,200,000
Cộng	-	3,200,000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2025

9 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	176.537.059.020	158.875.622.352	6.663.229.120	3.070.516.475	5.881.527.722	351.027.954.689
Số tăng trong kỳ	-	129.630.000	-	-	-	129.630.000
- Mua trong kỳ	-	129.630.000	-	-	-	129.630.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	568.923.160	-	-	-	568.923.160
- Thanh lý, nhượng bán	-	568.923.160	-	-	-	568.923.160
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	176.537.059.020	158.436.329.192	6.663.229.120	3.070.516.475	5.881.527.722	350.588.661.529
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	133.302.260.694	146.051.646.735	5.560.493.883	3.011.274.200	5.881.527.722	293.807.203.234
Số tăng trong kỳ	2.359.922.454	1.388.816.280	196.217.781	11.098.263	-	3.956.054.778
- Khấu hao trong kỳ	2.359.922.454	1.388.816.280	196.217.781	11.098.263	-	3.956.054.778
Số giảm trong kỳ	-	568.923.160	-	-	-	568.923.160
- Thanh lý, nhượng bán	-	568.923.160	-	-	-	568.923.160
Số dư cuối kỳ	135.662.183.148	146.871.539.855	5.756.711.664	3.022.372.463	5.881.527.722	297.194.334.852
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	43.234.798.326	12.823.975.617	1.102.735.237	59.242.275	-	57.220.751.455
Tại ngày cuối kỳ	40.874.875.872	11.564.789.337	906.517.456	48.144.012	-	53.394.326.677

Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay	:	33.921.103.789 VND
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	:	175.508.557.631 VND



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho 06 tháng đầu năm 2025

10 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	27.030.596.138	-	144.358.452	108.000.000	-	27.282.954.590
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	27.030.596.138	-	144.358.452	108.000.000	-	27.282.954.590
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	-	-	144.358.452	108.000.000	-	252.358.452
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Khấu hao trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-	144.358.452	108.000.000	-	252.358.452
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	27.030.596.138	-	-	-	-	27.030.596.138
Tại ngày cuối kỳ	27.030.596.138	-	-	-	-	27.030.596.138

Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay

:

20.799.540.000 VND
- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

:

252.358.452 VND



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho 06 tháng đầu năm 2025

11 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

11.1. Ngắn hạn

Vay và nợ thuê tài chính

	Số cuối kỳ		Phát sinh		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Vay ngân hàng bằng ngoại tệ	105.525.739.176	105.525.739.176	2.996.984.454	4.394.145.000	106.922.899.722	106.922.899.722
Ngân hàng NN & PT Nông thôn tỉnh Sóc Trăng (USD)	105.525.739.176	105.525.739.176	2.996.984.454	4.394.145.000	106.922.899.722	106.922.899.722
- Vay đối tượng khác bằng Việt Nam đồng	253.874.400.000	253.874.400.000	-	-	253.874.400.000	253.874.400.000
Cộng	359.400.139.176	359.400.139.176	2.996.984.454	4.394.145.000	360.797.299.722	360.797.299.722

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn

Số ngày	Bên cho vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Số cuối kỳ	Hình thức đảm bảo
Hợp đồng số 1902/HĐTD ngày 19/02/2015	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (USD)	Theo từng khế ước nhưng không quá 12 tháng	Theo từng khế ước	105.525.739.176	Cầm cố, thế chấp
Hợp đồng vay vốn và các phụ lục đính kèm	Các đối tượng khác	Đến 31/12/2025	Theo từng hợp đồng	253.874.400.000	Tín chấp
Cộng				359.400.139.176	



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho 06 tháng đầu năm 2025

11 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Đơn vị tính: VND

11.2. Dài hạn

Vay và nợ thuê tài chính

	Số cuối kỳ		Phát sinh		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Vay ngân hàng bằng Việt Nam đồng	10.000.000	10.000.000	-	-	10.000.000	10.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Sóc Trăng	10.000.000	10.000.000	-	-	10.000.000	10.000.000
- Vay đối tượng khác	8.659.000.000	8.659.000.000	-	815.000.000	9.474.000.000	9.474.000.000
Võ Lê Bảo Yến	8.659.000.000	8.659.000.000	-	815.000.000	9.474.000.000	9.474.000.000
Cộng	8.669.000.000	8.669.000.000	-	815.000.000	9.484.000.000	9.484.000.000

Chi tiết các khoản vay dài hạn

Số ngày	Bên cho vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Số cuối năm	Hình thức đảm bảo
Hợp đồng số 428/HĐTD ngày 05/03/2013	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Sóc Trăng	5 năm	Theo từng khế ước	10.000.000	Cầm cố, thế chấp
Hợp đồng vay vốn ngày 12/03/2020	Võ Lê Bảo Yến	15 năm	Theo thỏa thuận	8.659.000.000	Tín chấp
Cộng				8.669.000.000	



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2025

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
12.1 Ngắn hạn				
- Phải trả người bán từ các đối tượng khác	64.699.410.364	64.699.410.364	84.341.620.832	84.341.620.832
+ Công ty TNHH Bán buôn Thủy sản Đại Phú Xuân	12.077.643.291	12.077.643.291	16.625.643.291	16.625.643.291
+ Công ty TNHH TM&VT Sơn Vinh	291.872.000	291.872.000	305.300.000	305.300.000
+ Công ty TNHH MTV Vy Khang	950.437.694	950.437.694	993.494.462	993.494.462
+ Ocean Road Co.,Ltd	27.367.971.464	27.367.971.464	44.528.503.173	44.528.503.173
+ T&T International Seafood, Inc	12.395.789.640	12.395.789.640	10.102.144.862	10.102.144.862
+ Công ty TNHH Tiếp Vận Thực	547.423.322	547.423.322	300.691.021	300.691.021
+ Các đối tượng khác	11.068.272.953	11.068.272.953	11.485.844.023	11.485.844.023
Cộng	64.699.410.364	64.699.410.364	84.341.620.832	84.341.620.832

12.2 Thuyết minh về giao dịch với các bên liên quan của khoản phải trả người bán được trình bày ở TM VIII - Những thông tin khác

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
13.1. Thuế và các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	1.151.058.627	1.151.058.627	-
+ Được khấu trừ	-	1.151.058.627	1.151.058.627	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.819.908.104	-	-	2.819.908.104
Thuế thu nhập cá nhân	1.650	1.736.550	1.722.200	16.000
Thuế tài nguyên	2.824.000	14.464.000	14.916.000	2.372.000
Thuế khác	112.205.483	6.000.000	6.000.000	112.205.483
Cộng	2.934.939.237	1.173.259.177	1.173.696.827	2.934.501.587
13.2. Thuế và các khoản phải thu				
Thuế nhập khẩu	199.954.597	199.954.597	-	-
Cộng	199.954.597	199.954.597	-	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2025

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Ngắn hạn

- Lãi vay (*)

Cộng

Đơn vị tính: VND

Số cuối kỳ	Số đầu năm
280.461.027.671	260.044.050.841
280.461.027.671	260.044.050.841

15 . PHẢI TRẢ KHÁC

15.1 Ngắn hạn

- KPCĐ

- BHXH, BHYT, BHTN

- Cổ tức lợi nhuận phải trả

- Các khoản phải trả, phải nộp khác

+ Công ty TNHH Bán buôn Thủy sản Đại Phú Xuân

+ Huỳnh Hoàng Uyên

+ Nguyễn Thị Tú Trinh

+ Trịnh Thị Tiến

+ Võ Thị Bích Ngọc

+ Các đối tượng khác

Cộng

Số cuối kỳ	Số đầu năm
49.225.680	37.225.100
207.608.320	
3.792.115.795	3.792.115.795
184.043.934.492	230.362.817.589
26.878.000.000	26.878.000.000
57.779.835.741	57.779.835.741
7.788.100.000	39.811.800.000
-	37.015.149.000
18.613.000.000	9.336.000.000
72.984.998.751	59.542.032.848
188.092.884.287	234.192.158.484

15.2 Thuyết minh về giao dịch với các bên liên quan của khoản phải trả khác được trình bày thuyết minh VIII - Những thông tin khác

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2025

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	354.000.000.000	484.047.273	(320.000)	8.023.610.850	(413.389.670.608)	(50.882.332.485)
- Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	-	-	(37.799.122.820)	(37.799.122.820)
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-
+ <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	-	-	-	-	-	-
+ <i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước (Số dư đầu kỳ này)	354.000.000.000	484.047.273	(320.000)	8.023.610.850	(451.188.793.428)	(88.681.455.305)
- Lợi nhuận tăng trong kỳ này	-	-	-	-	(7.539.217.101)	(7.539.217.101)
- Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-
+ <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	-	-	-	-	-	-
+ <i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	354.000.000.000	484.047.273	(320.000)	8.023.610.850	(458.728.010.529)	(96.220.672.406)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2025

16.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Ông Nguyễn Hoàng Nhã	79.730.860.000	79.730.860.000
- Ông Nguyễn Triệu Đồng	71.160.000.000	71.160.000.000
- Ông Nguyễn Hoàng Phương	53.294.110.000	53.294.110.000
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Việt Nam	24.000.000.000	24.000.000.000
- Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP (PVFCCo)	24.000.000.000	24.000.000.000
- Trần Thị Thùy Liên	17.894.110.000	17.894.110.000
- Vốn góp của các cổ đông là cá nhân khác	83.920.920.000	83.920.920.000
Cộng	354.000.000.000	354.000.000.000

16.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	354.000.000.000	354.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	354.000.000.000	354.000.000.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	-	-

16.4. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	35.400.000	35.400.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	35.400.000	35.400.000
+ Cổ phiếu phổ thông	35.400.000	35.400.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	32	32
+ Cổ phiếu phổ thông	32	32
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	35.399.968	35.399.968
+ Cổ phiếu phổ thông	35.399.968	35.399.968
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

16.5. Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	8.023.610.850	8.023.610.850

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2025

17 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

17.1. Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- USD	1.082,26	1.158,25

17.2. Nợ khó đòi đã xử lý

Đối tượng	VND	Thời điểm xóa sổ	Nguyên nhân xóa sổ
Huỳnh Thị Mai	3.508.040.833	31/12/2022	Nợ quá hạn lâu năm không thu hồi được
Lê Hoàng Nam	3.610.655.632	30/11/2024	Nợ quá hạn lâu năm không thu hồi được
Công ty TNHH Thanh Bình	8.089.763.223	30/11/2024	Nợ quá hạn lâu năm không thu hồi được
Mazzetta Company LLc	10.647.159.162	30/11/2024	Nợ quá hạn lâu năm không thu hồi được
Các đối tượng khác	5.147.730.375	30/11/2024	Nợ quá hạn lâu năm không thu hồi được
Cộng	31.003.349.225		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2025

VI . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: VND

1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
Doanh thu		
- Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	174.794.196.750	236.642.328.880
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.942.216.213	2.764.375.136
- Doanh thu khác (vỏ tôm)	54.960.565	95.995.330
Cộng	192.791.373.528	239.502.699.346

2 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
- Giảm giá hàng bán	-	-
- Hàng bán bị trả lại	4.452.064.344	-
Cộng	4.452.064.344	-

3 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
- Giá vốn thành phẩm, hàng hóa đã bán	158.868.849.191	188.209.528.430
- Giá vốn cung cấp dịch vụ (*)	-	-
Cộng	158.868.849.191	188.209.528.430

Ghi chú: (*) Giá vốn là của thành phẩm, hàng hóa bán ra, còn giá vốn của doanh thu dịch vụ, doanh thu khác không phát sinh chủ yếu là phí lưu kho, cho thuê văn phòng, căn tin và bán vỏ tôm phế liệu (thu hồi).

4 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	107.433	11.636.684
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.006.902.784	1.094.467.714
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Cộng	1.007.010.217	1.106.104.398

5 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
- Lãi tiền vay	16.384.984.198	19.127.897.864
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.535.660.102	1.042.459.883
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	6.345.656.155	11.632.065.242
Cộng	24.266.300.455	31.802.422.989

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2025

6. THU NHẬP KHÁC

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	140.000.000	-
- Thu nhập từ tiền cho thuê kho và tiền điện	117.042.680	68.079.616
- Thu nhập từ khoản giảm lãi suất ngân hàng	-	37.575.147.969
Cộng	257.042.680	37.643.227.585

7. CHI PHÍ KHÁC

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
- Chi hỗ trợ	-	5.000.000
- Nộp phạt	25.000.000	-
- Các khoản chi phí khác	1.873.835	4.488.174
Cộng	26.873.835	9.488.174

8. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
8.1. Chi phí bán hàng		
- Chi phí công cụ, dụng cụ	12.266.598	1.105.485.989
- Chi phí nhân công	859.436.239	673.252.480
- Chi phí khấu hao	609.250.517	783.571.967
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.706.988.978	10.108.993.342
- Các khoản chi phí bán hàng khác	76.662.748	424.943.181
Cộng	10.264.605.080	13.096.246.959

8.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí nguyên, vật liệu	-	-
- Chi phí công cụ, dụng cụ	231.980.390	120.836.363
- Chi phí nhân công	1.925.149.110	1.671.667.765
- Chi phí khấu hao	330.306.904	413.583.666
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	858.801.715	786.739.632
- Thuế, phí, lệ phí	222.303.147	101.809.896
- Hoàn nhập các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	40.528.458.297
- Các khoản chi phí QLDN khác	147.409.355	125.860.247
Cộng	3.715.950.621	43.748.955.866

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho 06 tháng đầu năm 2025

9 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	47.096.844.458	153.330.644.605
- Chi phí nhân công	20.485.363.598	14.030.437.047
- Chi phí công cụ, dụng cụ	5.504.189.113	1.399.461.347
- Chi phí khấu hao TSCĐ	3.956.054.778	4.164.564.196
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.735.839.238	15.762.392.203
- Chi phí bằng tiền khác	3.887.649.955	816.407.708
Cộng	90.665.941.140	189.503.907.106

10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ này	-	-
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	-	-
Cộng	-	-

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định như sau:

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(7.539.217.101)	1.385.388.911
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN		
+ Các khoản điều chỉnh tăng	317.178.553	1.097.466.511
<i>Chi phí không được trừ khi tính thuế</i>	26.873.835	9.488.174
<i>CLTG chưa thực hiện (tiền, phải thu) kỳ trước</i>	61.633.040	997.978.337
<i>CLTG chưa thực hiện (tiền, phải thu) kỳ này</i>	142.671.678	
<i>Thù lao, lương HĐQT</i>	86.000.000	90.000.000
+ Các khoản điều chỉnh giảm	204.304.718	159.978.202
<i>CLTG chưa thực hiện (tiền, phải thu) kỳ này</i>	142.671.678	159.978.202
<i>CLTG chưa thực hiện (tiền, phải thu) kỳ trước</i>	61.633.040	-
- Chuyển lỗ các năm trước	-	2.322.877.220
- Tổng thu nhập chịu thuế	(7.426.343.266)	-
- Thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế kỳ này	-	-
+ Thuế TNDN theo thuế suất thông thường	-	-
+ Thuế TNDN được miễn, giảm	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2025

11 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	(7.539.217.101)	1.385.388.911
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	-	-
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân kỳ này	35.399.968	35.399.968
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(213)	39

12 . LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	(7.539.217.101)	1.385.388.911
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	-	-
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân kỳ này	35.399.968	35.399.968
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(213)	39

VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

- 1 . CÁC GIAO DỊCH KHÔNG BẰNG TIỀN ẢNH HƯỞNG TỚI BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TRONG TƯƠNG LAI: Không có
- 2 . CÁC KHOẢN TIỀN DO DOANH NGHIỆP NẮM GIỮ NHƯNG KHÔNG SỬ DỤNG: Không có
- 3 . SỐ TIỀN ĐI VAY THỰC THỤ TRONG KỲ

- Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường

4 . SỐ TIỀN ĐÃ TRẢ THỰC GỐC VAY TRONG KỲ

- Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường

VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

- 1 . NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG, KHOẢN CAM KẾT VÀ NHỮNG THÔNG TIN TÀI CHÍNH KHÁC: không có
- 2 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN: không có
- 3 . THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

3.1. Bên có liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Nguyễn Triệu Đồng	Chủ tịch hội đồng quản trị
Nguyễn Hoàng Phương	Thành viên hội đồng quản trị
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô Thị Dầu Khí Cửu Long	Đồng Chủ tịch hội đồng quản trị

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2025

3. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

3.2. Giao dịch với bên có liên quan

- Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc như sau:

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
Thù lao, thưởng của HĐQT và	292.000.000	258.000.000
Lương, thưởng của Ban giám đốc	293.294.000	

- Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty với các bên có liên quan trong năm tài chính như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long	Lãi vay ghi nhận	-	2.250.985.100
Nguyễn Hoàng Phương	Trả tiền mượn	-	11.980.000.000

- Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tình hình công nợ giữa Công ty với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long	Lãi vay phải trả	8.657.635.000	8.657.635.000

4. THÔNG TIN VỀ BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn 1 trong 2 điều kiện theo lĩnh vực kinh doanh hay theo vị trí địa lý theo quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính V/v hướng dẫn thực hiện 06 Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài chính.

5. QUẢN LÝ RỦI RO CỦA CÔNG TY

Nợ phải trả tài chính chủ yếu của Công ty bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, đầu tư chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã thiết lập hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xem xét và

5.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu chuyển đổi, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2025

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

a. Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Rủi ro về thay đổi tỷ giá ngoại tệ của Công ty chủ yếu liên quan đến các hoạt động của Công ty (khi doanh thu hoặc chi phí có gốc ngoại tệ khác so với tiền tệ chức năng của Công ty).

Các phân tích về độ nhạy được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

b. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

c. Rủi ro về giá

Rủi ro về giá cổ phiếu:

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Tổng Giám đốc của công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.

Rủi ro về giá bất động sản:

Công ty đã xác định được rủi ro sau liên quan đến danh mục đầu tư bất động sản của Công ty:

- Việc chi phí của các dự án phát triển có thể tăng nếu có sự chậm trễ trong quá trình lập kế hoạch. Để hạn chế rủi ro này Công ty thuê các chuyên gia cố vấn chuyên về các yêu cầu lập kế hoạch cụ thể trong phạm vi dự án nhằm giảm các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình lập kế hoạch.
- Rủi ro giá trị hợp lý của danh mục đầu tư bất động sản do các yếu tố cơ bản của thị trường và người mua.

5.2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng và từ hoạt động tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng, ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

a. Đối với khoản phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ Cho 06 tháng đầu năm 2025

b. Đối với tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

5.3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Phần lớn phát sinh nghĩa vụ phải trả của Công ty đều được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi và các khoản phải thu và tài sản có kỳ hạn ngắn hạn. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro thanh khoản đối với việc thực hiện nghĩa vụ tài chính là thấp.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp với các khoản vay ở mức độ mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ đáp ứng như cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	< 1 năm	Từ 01 - 05 năm	> 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	359.400.139.176	10.000.000	8.659.000.000	368.069.139.176
Phải trả người bán	64.699.410.364	-	-	64.699.410.364
Chi phí phải trả	280.461.027.671	-	-	280.461.027.671
Các khoản phải trả khác	188.092.884.287	-	-	188.092.884.287
Số đầu năm				
Vay và nợ	360.797.299.722	9.484.000.000	-	370.281.299.722
Phải trả người bán	84.341.620.832	-	-	84.341.620.832
Chi phí phải trả	260.044.050.841	-	-	260.044.050.841
Các khoản phải trả khác	234.192.158.484	-	-	234.192.158.484

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Tài sản đảm bảo

Tại Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty đã sử dụng các tài sản đảm bảo để làm thế chấp cho các khoản vay và nắm giữ tài sản đảm bảo của các bên khác cho các giao dịch của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho 06 tháng đầu năm 2025

6. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính như sau:

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	442.691.660	61.555.544	442.691.660	61.555.544
Phải thu khách hàng	184.567.357.732	189.011.135.569	184.567.357.732	189.011.135.569
Trả trước cho người bán	101.071.125.516	98.007.832.343	101.071.125.516	98.007.832.343
Các khoản phải thu khác	20.160.302.545	30.199.168.342	20.160.302.545	30.199.168.342
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	64.699.410.364	84.341.620.832	64.699.410.364	84.341.620.832
Người mua trả tiền trước	50.000.000	354.846.846	50.000.000	354.846.846
Vay và nợ	368.069.139.176	370.281.299.722	368.069.139.176	370.281.299.722
Phải trả người lao động	1.104.092.000	2.514.413.000	1.104.092.000	2.514.413.000
Chi phí phải trả	280.461.027.671	260.044.050.841	280.461.027.671	260.044.050.841
Các khoản phải trả khác	188.092.884.287	234.192.158.484	188.092.884.287	234.192.158.484

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý: giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại vào ngày cuối kỳ (do chưa có hướng dẫn cụ thể). Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc cho rằng không có sự chênh lệch trọng yếu về giá trị ghi sổ với giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính của nó tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

7. ĐIỀU CHỈNH TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM TRƯỚC DO CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CỦA KỲ NÀY: Không Có

8. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Tại ngày 30/06/2025, chỉ tiêu "Vốn chủ sở hữu" (mã số: 410) bị âm (96.220.672.406) VND và nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 182.298.919.213 VND. Chỉ số này phản ánh khả năng thanh toán Công ty đang ở mức thấp và có thể ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định luôn nhận được sự cam kết của các chủ sở hữu Công ty và các chủ nợ về việc sẽ duy trì tài chính để công ty không bị ảnh hưởng khả năng hoạt động liên tục trong tương lai, vì vậy Báo cáo này được lập giả định trên cơ sở hoạt động liên tục.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho 06 tháng đầu năm 2025

9. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho 06 tháng đầu năm 2024 kết thúc tại ngày 30/06/2024 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam - AASCS kiểm toán và soát xét.

Lập, ngày 04 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		
Lưu Thị Ngọc Tuyền	Đỗ Thành Nhơn	Lý Bích Quyên

